

An Hoạch với hoạt động xây dựng công trình tôn giáo tại địa phương

ISSN: 2734-9195 09:25 08/09/2025

Nền kinh tế và tiềm lực kinh tế của người dân An Hoạch là nguồn lực, động lực mạnh mẽ nhất phát triển tôn giáo, văn hóa và tín ngưỡng tại địa phương.

Tác giả: **Lê Thị Nga** [1]

Vùng đất An Hoạch[2] vốn là một xã thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Từ xa xưa đã được biết đến là nơi sản sinh ra loại đá quý dùng làm khánh, tiếng lành ấy vang đến tận Bắc Quốc. Đời Tấn, Phạm Ninh làm Thái thú Dự Chương thường sai người lấy đá mang về nước làm khánh, việc này còn được ghi chép lại rõ ràng trong sử sách nước ta và Trung Hoa như: Quảng dư chí, Đại Thanh nhất thống (Trung Hoa); Vân Đài loại ngữ, Đại Nam nhất thống chí, Thanh Hóa kỷ thắng,...

Đến thời nhà Trần, khoảng đầu thế kỷ XIII, có ông Lê Khắc Phục đem nghề chế tác đá vào truyền dạy cho dân sở tại.

Làng nghề chế tác đá An Hoạch ra đời, bằng bàn tay khéo léo và trí óc sáng tạo đã tạo nên một “*thương hiệu kinh tế*” của cả khu vực Thanh - Nghệ trở ra Bắc, đâu đâu cũng xuất hiện những sản phẩm chế tác đá của người thợ thôn Nhuệ xã An Hoạch.

Xuất phát từ thế mạnh kinh tế, xã An Hoạch dần dần trở thành trung tâm kinh tế và văn hóa của khu vực phía Tây Nam tỉnh lỵ Thanh Hóa từ thời Trần, Lê đến cuối thời Nguyễn.

I. Khái quát chung

1.1 Thống kê danh sách di tích văn hóa tôn giáo - tín ngưỡng tiêu biểu

- Chùa Báo Ân thời Lý, được xây dựng năm Hội Phong thứ 9 (1100) do Thái úy Lý Thường Kiệt hưng công và đốc suất việc xây dựng. Chùa nay đã mất, nhưng vẫn bia chùa hiện còn lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia.
- Chùa Bảo Sơn ở thôn Nhuệ, chùa được xây dựng từ bao giờ chưa rõ, nhưng theo ghi chép của văn bia Trùng tu Bảo Sơn tự bi chùa được trùng tu năm Hồng Định thứ 6 (1605).
- Chùa La Sơn, chưa rõ chùa được xây dựng từ bao giờ, theo thông tin từ các văn bia: La Sơn tự An Hoạch xã bi, Long Khánh hội phụng, Vô đề, La Sơn tự Sùng Trộn điện bi thì trong giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến trước năm 1941 chùa nhiều lần được tu sửa và xây dựng thêm các công trình mới.
- Chùa Hình Sơn, còn gọi là chùa Hang, là nơi thờ Phật và cũng là nơi thờ Khổng Minh và Thánh Mẫu. Theo văn bia Hình Sơn cổ tự cho biết *“Chùa xây từ bao đời xưa chưa được rõ, vào năm Tự Đức thứ 32 (1879) có quan Trần Đình Viện giữ chức Đề đốc Thanh Hóa cùng phu nhân đến văn cảnh chùa, mắt ngắm phong cảnh đẹp mà lòng xúc động, bèn xuất tiền nhà, mệnh sai dân làng Nhồi phục dịch tạc tượng vào đá, hưng công xây dựng. Đến năm Giáp Thân (1884), lại làm thêm mái ngói, xây tường, trang hoàng tượng, tặng thêm vẻ đẹp để tráng lệ...”*.
- Chùa Quảng Nạp^[3] (làng Nấp), đến nay chùa chỉ còn lại phế tích, chưa rõ chùa xây dựng năm nào, tên chữ là gì. Căn cứ theo văn bia Hậu ký bi chí, đến đời vua Gia Long thứ 15 (1816) chùa còn là ngôi Tam bảo bề thế trong xã An Hoạch.
- Chùa Tiên Sơn thờ Phật, thờ Quan Thánh đế quân. Chùa ở phía đông nam, bên sườn núi Khế, còn có tên gọi khác là chùa Quan Thánh hay chùa Quan Lão, được xây dựng trong động đá. Chưa rõ được xây dựng năm nào, theo như văn bia khắc trên vách đá, chùa được trùng tu vào niên hiệu Cảnh Hưng thứ 17 (1756) đời vua Lê Hiển Tông do Mãn Quận công Lê Trung Nghĩa đã bỏ tiền cùng nhân dân trùng tu to đẹp.
- Lăng mộ Mãn quận công Lê Trung Nghĩa, được xây dựng khi ông còn sống. Ngày nay, khu lăng mộ này trở thành *“Bảo tàng nghệ thuật điêu khắc đá xứ Thanh”* về nghệ thuật tạo tác văn bia, voi, ngựa, tượng người, ngai thờ... Lăng mộ được xây dựng chính xác năm nào chưa rõ, chỉ biết ông tử trận trong giao tranh với quân Tây Sơn năm 1786. Theo văn bia Hậu thân bi ký dựng năm Nhâm Dần niên hiệu Cảnh Hưng thứ 43 (1783), năm này sinh từ đã xây dựng xong và đưa vào thờ cúng. Như vậy, đến nay khu lăng mộ đã tồn tại ít nhất 242 năm.

- Đền Quan Thánh đế quân.
- Nghè Thượng, thờ thần Cao Sơn đại vương.
- Nghè thờ Bạch Đa đại vương, vị tướng nhà Đinh, có công giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân.
- Đền thờ Thượng thư Lục bộ Tiến sĩ Trần Bá Tân thời Lê - Trịnh.
- Đền thờ Đông Các đại học sĩ, Đại Nguyên soái Tiến sĩ Lê Dị Tài thời Lê Trung Hưng.
- Đền thờ Công bộ Thượng thư Tiến sĩ Lê Vinh thời Lê Trung Hưng.
- Từ vũ ở thôn Thượng, thờ các bậc Tiên hiền trong huyện Đông Sơn cũ.
- Văn chỉ thờ Tiên hiền huyện Đông Sơn.

Đặc biệt, với vị trí địa lý trọng yếu và thuận tiện của mình, vùng đất An Hoạch được chọn để xây dựng tuyến kênh đường thủy chạy qua nối liền **kinh đô Hoa Lư** đến Đèo Ngang. Đây được xem là huyết mạch giao thông và khẳng định vị thế về chủ quyền quốc gia của vương triều nhà Đinh và Tiền Lê với lân bang phương Nam. Bên cạnh đó, là các di tích nhỏ thờ Thành hoàng, thờ Hậu thần, Hậu ngũ, thờ thiên thần, tổ nghề,... vẫn còn hiện diện nơi thôn xóm đến tận ngày nay.



Văn bia ma nhai trên vách chùa Quan Thánh. Nguồn ảnh: Báo Thanh Niên

1.2 Khái quát đặc điểm văn hóa và tín ngưỡng địa phương

Là vùng đất cổ, vùng đất mà mọi người dân đều sinh ra giữa tú bể là đá, lớn lên sống và hy vọng bằng nghề làm đá. Đá đã nuôi sống họ từ hàng nghìn năm nay, tạo dựng cho vùng đất này một “*thương hiệu*”, một nền kinh tế và một nền văn hóa gắn liền với đá. Tuy nhiên, trải qua thời gian, từ đặc điểm một cộng đồng dân cư gắn liền với nghề đá, người dân nơi đây đã xây dựng, đã tích lũy cho mình một đời sống văn hóa và tín ngưỡng vô cùng “*hòa nhập*” với xu thế chung của đất nước ở từng giai đoạn lịch sử.

Trước hết, đây là vùng đất có truyền thống hiếu học, có truyền thống đỗ đạt khoa cử và là nơi sinh ra nhiều văn quan võ tướng tài giỏi. Đặc biệt, trong giai đoạn phong kiến, vùng đất An Hoạch đã có bốn vị thi đỗ đại khoa, gồm: Lê Vinh đỗ Tiến sĩ năm Thịnh Đức thứ 4 (1656) đời vua Lê Thần Tông, Lê Dị Tài đỗ Tiến sĩ năm Vĩnh Trị thứ 1 (1676) đời vua Lê Hy Tông, Trần Bá Tân đỗ Tiến sĩ năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) đời vua Lê Ý Tông.

Khi khảo sát văn bia Từ vũ bi ký dựng năm Long Đức thứ 2 (1733), viết nổi năm Thành Thái thứ 13 (1901) ở Từ vũ thờ các vị tiên hiền người thôn Thượng xã An Hoạch, thì thấy nội dung văn bia ghi tên, chức tước của hơn 50 vị tiên hiền thôn Thượng, xã An Hoạch làm quan ở khắp các địa phương trong cả nước[4]. Điều này cho thấy bên cạnh nghề đá truyền thống, người dân xã An Hoạch đã tạo dựng thêm nghề mới làm thế mạnh mới cho mình đó là nghề học, nghề làm quan. Qua khảo sát thực địa và qua các nguồn tư liệu lịch sử tại địa phương cho biết, thôn Thượng và thôn Quảng Nạp xã An Hoạch đều có văn chỉ riêng, điều này cho thấy “*sự học*” đã trở thành nét văn hóa đặc trưng của vùng đất này và phần nào đó “*nền văn hóa học*” đã lấn át “*nền văn hóa đá*” ở ngay trên lãnh địa nghề đá.

Thứ hai, tín ngưỡng thờ Phật phát triển và in dấu ấn đậm nét. Như đã thống kê ở trên, chỉ trong một đơn vị hành chính cấp xã mà không phải xã ở trung tâm đô hội sầm uất, nhưng có đến 6 ngôi chùa, trong đó ngôi chùa được xây dựng sớm nhất từ năm Hội Phong thứ 9 (1100) thời Lý và các ngôi chùa còn lại đều được nhân dân địa phương trùng tu tôn tạo thường xuyên. Vùng đất An Hoạch xưa được mệnh danh là “*vương quốc đá*” giữa vùng đồng bằng, bởi nơi đây ở đâu cũng thấy đá, thấy núi đá. Cả một dãy dài núi Nhồi, núi Khế, núi Hình chạy quanh co, uốn lượn mãi không dứt, cứ cách vài chục mét lại có một vài ngọn núi đá nhô lên kỳ dị; hang núi, động núi có vĩa đá nhô ra như mái hiên nhà hiện ra thấp thoáng bên sườn tạo nên cảnh đẹp mê hồn. Chính cảnh quan ấy, cùng với nền văn hóa và hệ tư tưởng bản địa ấy đã tạo dựng nên hệ tín ngưỡng thờ Phật của cộng đồng cư dân nơi đây.

Thứ ba, tín ngưỡng thờ Đạo giáo, rất nhiều công trình thờ nhân thần, thiên thần, sơn thần đã được cư dân xây dựng làm nơi thực hành nghi thức tín ngưỡng. Họ thờ Quan Thánh đế quân, Văn Xương, thần Cao Sơn, thánh Mẫu, thờ Tổ nghề, thờ người có công lao với dân với nước,... và những vị thần cai quản núi non, vùng đất. Tín ngưỡng này có lẽ xuất phát từ “*hệ tư tưởng nghề đá*”, họ thờ phụng các vị thần của Việt Nam lẫn Trung Hoa, cả thiên thần, sơn thần đến những con người thực để cầu mong sự an lành cho cuộc sống và sự phò trợ trong quá trình lao động sản xuất.

Thứ tư, sự hòa nguyên tôn giáo. Tại một đơn vị hành chính cấp xã xuất hiện ba loại hình di tích tôn giáo tín ngưỡng cùng tồn tại và cùng phát triển, sự phát triển đó được thể hiện rõ ở số lượng di tích ở mỗi loại hình di tích và hoạt động tín ngưỡng của mỗi loại hình.

Có thể thấy rằng, bên cạnh đời sống kinh tế sôi động là một nền văn hóa khoa cử thành đạt và một đời sống văn hóa tín ngưỡng vô cùng phong phú, đa dạng. Ba yếu tố này, đã tạo cho vùng đất An Hoạch một diện mạo văn hóa tín ngưỡng bản địa trên nền văn hóa kinh tế nghề vô cùng đặc biệt, vô cùng nổi bật và có lẽ là duy nhất trên vùng đất xứ Thanh địa linh nhân kiệt.



Đường lên chùa Hinh Sơn. Nguồn ảnh: Trang Thông tin điện tử Thành phố Thanh Hóa

II. Nền kinh tế địa phương trong mối tương hỗ với văn hóa

2.1 Cơ cấu và đặc điểm nền kinh tế đá An Hoạch xưa

Là một trong những làng nghề cổ và là làng nghề đá cổ xưa nhất của vùng đồng bằng sông Mã. Nghề khai thác đá và nghề chế tác đá An Hoạch là một trong những nghề thủ công có lịch sử lâu đời nhất Việt Nam. Khi nghiên cứu về lịch sử nghề đá, có nhà nghiên cứu đã nhận định *“Sự xuất hiện của nghề chế tác đá An Hoạch có mối liên hệ mật thiết với truyền thống chế tác đá của cư dân đồng bằng sông Mã từ thời kỳ nguyên thủy, đến thế kỷ thứ X bắt đầu định hình rõ nét và phát triển liên tục cho đến ngày nay. Mỗi bước phát triển của nghề này đều gắn liền với những thăng trầm của lịch sử dân tộc. Không những thế, nó còn có sức lan tỏa, tác động đến sự hình thành và phát triển của nhiều làng nghề chế tác đá nổi tiếng ở những vùng miền khác như Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng), Ninh Vân (Ninh Bình)”*[5].

Khi nghiên cứu về vấn đề cơ cấu tổ chức trong nghề chế tác đá tại làng nghề An Hoạch, qua ghi chép của các sách chính sử thì chỉ thấy nhắc đến cụm từ *“thợ đá”*. Như các sách: Đại Việt sử ký toàn thư chép sự kiện năm Quang Thái thứ 3 (1390), vua Trần sai thợ đá ở An Hoạch mở cửa hang núi Thiên Kiện và hang núi Khuẩn Mai để lấy tiền của chôn ở đó khi trước[6]; Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ ghi: Đến nay lại cho chiếu xét bọn biển binh là thợ đá và giúp việc làm đá ở Quảng Nam, Thanh Hóa hiện đương làm những việc ấy đều thưởng cho lương, tiền nửa tháng[7]; Đại Nam thực lục ghi: Tháng 7 (năm 1831), vua Minh Mạng đã sai bộ Công nghĩ vẽ mẫu tượng đá quan văn, quan võ, lính thị vệ, voi đá, ngựa đá để thợ Quảng Nam, Thanh Hóa chế tạo. Khi chế tạo xong đem về Kinh, vua sai đem bày ở lăng Thiên Thụ (lăng thờ vua Gia Long)[8]; tác giả Charles Robequain trong cuốn sách Tỉnh Thanh Hóa viết: Cuối thời Nguyễn ở thôn Nhuệ, mặc dù đại bộ phận dân làng đều có ruộng nhưng tất cả các gia đình, khoảng 300 hộ đều làm đá[9].

Về mặt công nhận nhà nước, cơ cấu tổ chức làng nghề đá An Hoạch mới dừng lại ở mức *“người thợ”*, *“nhóm thợ”* hoặc *“hộ gia đình”*, họ chưa có được tổ chức nghề được công nhận. Khi được nhà nước tuyển dụng để xây dựng các công trình cho triều đình họ cũng vẫn chỉ là *“người thợ”*, *“nhóm thợ”*. Còn trong khi thi công các công trình cá nhân, những người thợ đá An Hoạch được ghi danh bằng hai cụm từ là Bạt Thạch hộ và *“thạch tượng - thợ đá”* mang tính cá nhân.

Thông qua các tư liệu bia ký, chúng tôi biết rằng, trong giai đoạn phong kiến từ thời Lê - Nguyễn, triều đình đều duy trì một cơ quan chuyên trách về nghề đá là Thạch cục ở triều đình và Bạt Thạch hộ ở địa phương. Cũng thông qua nghiên cứu từ tư liệu văn bia, chúng tôi bước đầu nhận định rằng, Bạt Thạch hộ là tổ chức nghề nghiệp tại những địa phương có nghề chế tác đá. Như vậy, có thể bước đầu nhận định rằng, cơ cấu nghề tại làng nghề đá An Hoạch xưa được tổ chức theo mô hình cá nhân và hộ gia đình làm chủ đạo.

Khi đặt câu hỏi: Đâu đặc điểm nổi bật của nền kinh tế đá An Hoạch xưa? TS. Đào Thanh Thủy[10] cho rằng có 4 đặc điểm nổi bật:

- Nguồn nguyên liệu sẵn có tại chỗ: quần thể núi đá An Hoạch.
- Tính di truyền nghề theo dòng họ: Nghề đá gắn với các dòng họ lớn như Lê, Trần - có truyền thống truyền nghề trong gia đình.
- Tính thủ công cao, gắn với tín ngưỡng: Sản phẩm đá phục vụ cả dân dụng (lăng mộ, cột đá, cổng, vật dụng hàng ngày) lẫn tôn giáo (tượng Phật, bia, hương án).
- Có vai trò quốc gia: Thợ đá An Hoạch từng được triều đình huy động làm các công trình lớn cho nhà Lê, nhà Nguyễn.

Và cũng theo TS. Đào Thanh Thủy, cơ cấu tổ chức kinh tế nghề đá ở An Hoạch xưa được tổ chức theo hộ gia đình và nhóm thợ nhỏ (thường theo quan hệ huyết tộc hoặc địa phương). Không có tổ chức phường hội chính thức như ở các làng nghề thủ công phía Bắc (ví dụ: Bát Tràng, Vạn Phúc...). Mới chỉ dùng ở tổ chức “*Bạt Thạch hộ*” dạng tổ chức nghề nghiệp tiền phường hội, mang tính chất hợp đồng thi công theo yêu cầu từ triều đình hoặc người đặt hàng. Đồng thời, hệ thống phân công lao động mang tính thủ công theo quy trình: Thợ khai thác -> Thợ phác thảo -> Thợ tạc thô -> Thợ chạm tinh -> Thợ hoàn thiện/mài bóng.

2.2 Nền kinh tế địa phương là nguồn lực phát triển tôn giáo, tín ngưỡng

Ngày nay, khi thống kê di tích tại một đơn vị hành chính cấp phường, xã trên địa bàn thành phố Thanh Hóa cũ, chúng tôi nhận thấy rằng vùng đất An Hoạch xưa, dù chỉ chiếm một phần địa giới hành chính nhỏ trong phường An Hưng cũ[11], nhưng đây là vùng đất có số lượng và mật độ di tích nhiều nhất, đa dạng nhất, đặc biệt là di tích thuộc về Phật giáo.

Khi nghiên cứu sự hình thành, tồn tại và phát triển của một di tích, một quần thể di tích hay cao hơn là một trung tâm tôn giáo tín ngưỡng. Chúng ta đều nhận thấy yếu tố đầu tiên cho sự hình thành này bắt nguồn từ nền kinh tế của cộng đồng dân cư sở tại, ở nơi kinh tế càng phát triển thì nền văn hóa bản địa càng mang nhiều dấu ấn và đặc điểm đặc sắc. Vùng đất An Hoạch bốn bề là đá, có nghề khai thác và chế tác đá, có những người thợ tài hoa được xếp vào hàng bậc nhất của nước; người thợ đá An Hoạch mang tay nghề tài hoa và nguyên liệu đá của quê mình đi làm cho khắp các địa phương trong cả nước, nhờ đó đã tạo dựng cho người dân nơi đây tiềm lực kinh tế mạnh mẽ và bền vững.

Tuy nhiên, người Việt Nam ta vốn coi trọng yếu tố văn hóa và tinh thần, nó thấm nhuần và trở thành căn cốt của mỗi con người, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Người dân An Hoạch cũng vậy, họ xây dựng chùa Phật, đền thần dựa vào hang đá, vách đá và dưới chân núi đá; họ khai thác đá làm kế sinh nhai, nhưng không phải chỗ nào họ cũng khai thác, họ giành lại những khoảng không gian, những ngọn núi mà họ cho là đẹp nhất, linh thiêng nhất để xây dựng công trình tâm linh.

Khi tìm hiểu về việc xây dựng 6 ngôi chùa đã nêu tên ở phần đầu trên vùng đất An Hoạch, chúng tôi tiếp cận và lựa chọn 16 văn bia thuộc chủ đề Phật giáo. Khi nghiên cứu lịch sử xây dựng và thông tin người cung tiến xây dựng, tư liệu văn bia cho biết, việc người xây dựng và kinh phí xây dựng chủ yếu là xuất phát từ người dân địa phương. Sự việc này được các văn bia phản ánh, đơn cử như: Tân tạo Tiên Sơn tự bi dựng năm Hồng Định thứ 20 (1619), Hưng công Tiên Sơn tự bi kí dựng năm Gia Long thứ 6 (1807), An Hoạch xã, Nhuệ thôn, trùng tu Bảo Sơn tự bi kí dựng năm Bảo Đại thứ 12 (1936), Trùng tu Bảo Sơn tự bi dựng năm Hồng Định thứ 6 (1605), Hình Sơn tự bi ký dựng năm Thành Thái thứ 15 (1903). Tuy các thông tin từ tư liệu mang giá trị tin cậy cao, nhưng nó chưa thể phản ánh đầy đủ, toàn bộ hoạt động cung tiến tiền tài trong quá trình xây dựng, trùng tu tôn tạo và duy trì hoạt động tín ngưỡng của các ngôi chùa này.

Qua đối chiếu, so sánh với thông tin về hoạt động cung tiến xây dựng các công trình tôn giáo ở địa phương khác trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, sự khác nhau được thể hiện rõ ở đối tượng cung tiến, các chùa trên địa bàn An Hoạch chủ yếu do người dân địa phương cung tiến; các chùa ở địa phương khác chủ yếu do “*thập phương*” cung tiến. Điều này nói lên tiềm lực nền kinh tế, tài sản tích lũy của người dân An Hoạch là rất đáng kể và vượt trội hơn hẳn các địa phương khác trong tỉnh Thanh Hóa.

Song song với việc hăng tâm hăng sức xây dựng chùa trên quê hương mình, người dân An Hoạch còn phát tâm cung tiến xây dựng chùa đền ở địa phương khác, như văn bia Trùng tu Thọ Lão tự bi/Hưng công tín thí dựng năm Vĩnh Tộ thứ 4 (1622) viết: “*Có ông Dương Văn Khôi nguyên xuất thân khoa mục giữ chức Võ chưởng Binh quyền, nay lại có ông Nguyễn Thế Khải tên tự là Pháp Đình và [...] tên hiệu Từ Thịnh người xã An Hoạch phát tâm Bồ đề giúp sức. Đến tháng 2 năm Kỷ Mùi (1619), mở nền các hạng mục, trên dựng cung trước, tạo 5 pho tượng Phật*”[12].

Khi xem xét việc hưng công xây dựng công trình văn hóa tín ngưỡng, có thể nhận thấy rằng, tuy điều kiện kinh tế địa phương chưa phải là điều kiện tiên quyết và mang tính quyết định hình thành nên công trình, nhưng nó lại là yếu tố

đảm bảo cho sự phát triển của công trình về mặt số lượng và chất lượng hoạt động. Qua đó, có thể nhận định chung rằng, nền kinh tế và tiềm lực kinh tế của người dân An Hoạch là nguồn lực, động lực mạnh mẽ nhất phát triển tôn giáo, văn hóa và tín ngưỡng tại địa phương.

III. Kết luận

An Hoạch từ một đơn vị hành chính cấp xã trở thành phường, từ một làng nghề truyền thống cổ truyền trở thành một “đô thị nghề” với con người, phương tiện, công cụ lao động hiện đại. Nhưng nền văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng trong hồn cốt những người con đất An Hoạch bao đời nay vẫn in đậm dấu ấn và hình bóng của các thế hệ tiền nhân. Bởi lẽ văn hóa tinh thần, niềm tin tín ngưỡng của người dân nơi đây được hình thành và vun bồi từ trong thực tiễn lao động sản xuất, nó giúp cho người dân có được sự cân bằng, hài hòa giữa đời sống tâm linh và cuộc sống thực tại. Đồng thời, vừa phản ánh khát vọng về cuộc sống bình yên, thịnh vượng vừa phản ánh một nội tâm, một tâm hồn đa văn hóa của người dân nơi đây.

Chú thích:

[1] Ths. Trường Chính Trị tỉnh Thanh Hóa.

[2] An Hoạch vốn thời xưa vốn là một xã lớn, bao gồm một phần đất thuộc phường Đông Tân, một phần đất xã Đông Hưng, về sau một phần diện tích xã An Hoạch cũ (khu vực núi Nhồi) được thành lập Thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn. Ngày 29 tháng 2 năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 05/NQ-CP về việc: Chuyển thị trấn Nhồi và xã Đông Hưng về thành phố Thanh Hóa quản lý và thành lập phường An Hoạch. Đến Ngày 16 tháng 10 năm 2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 12 năm 2019). Theo đó, sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số

của xã Đông Hưng và phường An Hoạch để thành lập phường An Hưng. Từ ngày 01/07/2025 trở thành phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Thôn Quảng Nạp xưa thuộc xã An Hoạch, tổng Quảng Chiếu, sau nhập về xã Đông Hưng, rồi thành phường An Hưng. Từ 1/7/2025 cùng với phường An Hưng nhập thành phường Đông Quang, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Thích Giải Hiền, Vũ Ngọc Định, Nguyễn Huy Khuyến (2023), Văn bia Khuyến học tỉnh Thanh Hóa, Nxb Đại học Quốc gia.

[5] Lê Thị Thảo, Nghề chế tác đá An Hoạch, Tạp chí VHNT, số 378, tháng 12-2015; Lê Thị Thảo, Về làng nghề và thợ đá An Hoạch (Thanh Hóa), Tạp chí Di sản văn hóa, số 2 (51), 2015.

[6] Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr.181.

[7] Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993, tr.260, 396-397.

[8] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 24, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1970, tr.295-296.

[9] Charles Robequain, Tỉnh Thanh Hóa, Nxb Thanh Hóa, 2012, tr.471.

[10] Trưởng Bộ môn Việt Nam học - Du lịch, Trường Đại học Hồng Đức.

[11] Các thôn Yên Hoạch Hạ (làng Nhồi Hạ), Quảng Nạp (làng Nấp), làng Sơn, Đồng Duệ (Nhuệ thôn) là thuộc xã An Hoạch cũ

[12] Bản dịch của Vũ Ngọc Định.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 24, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1970.

2. Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1993.

3. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

4. Lê Thị Thảo, “Nghề chế tác đá An Hoạch”, Tạp chí VHNT, số 378, tháng 12-2015.

5. Lê Thị Thảo, “Về làng nghề và thợ đá An Hoạch (Thanh Hóa)”, Tạp chí Di sản văn hóa, số 2 (51) - 2015.
6. Charles Robequain (2012), Tỉnh Thanh Hóa, Nxb Thanh Hóa.
7. Vũ Ngọc Định, Nguyễn Huy Khuyến (2021), Thanh Hóa kỷ thắng, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa.
8. Thích Giải Hiền, Vũ Ngọc Định, Nguyễn Huy Khuyến (2023), Văn bia Khuyến học tỉnh Thanh Hóa, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Thượng tọa Thích Tiến Đạt, Vũ Ngọc Định (Chủ biên, 2024), Văn bia Hậu Phật - Ký kỷ tỉnh Thanh Hóa, Nxb Thế giới, Hà Nội.

Tác giả: **Lê Thị Nga**